

QUYẾT ĐỊNH

V/v miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022 – 2023
(Nghị định 81/2021/NĐ-CP)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật số 08/2012/QH13 Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo,

Thực hiện biên bản họp hội đồng xét miễn giảm, đề nghị của các Ông (Bà) Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM tại Ninh Thuận, Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM tại Gia Lai và đơn xin xét miễn, giảm học phí của sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay chấp thuận cho 186 sinh viên (miễn học phí cho 100 sinh viên chế độ chính sách và sinh viên dân tộc thiểu số hộ nghèo hoặc cận nghèo, giảm 70% học phí cho 72 sinh viên dân tộc thiểu số có hộ khẩu tại vùng khó khăn, giảm 50% học phí cho 14 sinh viên con CBVC, công nhân bị tai nạn nghề nghiệp) thuộc diện được miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022 – 2023. Trong đó bao gồm tại trường 174 sinh viên, Phân hiệu Gia Lai 04 sinh viên, Phân hiệu Ninh Thuận 08 sinh viên.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM tại Ninh Thuận, Phân hiệu trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM tại Gia Lai các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- P. KHTC, P. Đào tạo;
- PHNT, PHGL;
- Lưu: VT, P. CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đình Lý

DANH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023 (Nghị định 81/2021/NĐ-CP)

(Kèm theo Quyết định số ~~447~~ 447/QĐ-DHNL-CTSV ngày 05/12/2022)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ tên	MSSV	Tên lớp	Tỷ lệ	Đối tượng	Khối ngành	Số tiền /tháng	Số tháng	Học phí	Miễn giảm	Đề nghị cấp bù miễn giảm	Số tài khoản	Tên NH
1	Hứa Văn Nam	19111078	DH19TV	100%	Con bệnh binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003466769	BIDV
2	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	19122170	DH19QT	100%	Bản thân tàn tật, khuyết tật	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003488985	BIDV
3	Trần Thị Minh Thư	19122257	DH19QT	100%	Con bệnh binh	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003489739	BIDV
4	Võ Thị Ngọc Thắm	19123128	DH19KE	100%	Sinh viên mồ côi	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003491770	BIDV
5	Nguyễn Ngọc Minh Trâm	19123160	DH19KE	100%	Con thương binh	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003470557	BIDV
6	Nguyễn Trung Hậu	19137020	DH19NL	100%	Sinh viên mồ côi	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003465429	BIDV
7	Hoàng Hùng	19139053	DH19HS	100%	Sinh viên mồ côi	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003456609	BIDV
8	Trương Thị Ngọc Huyền	20112248	DH20TV	100%	Bản thân tàn tật, khuyết tật	V	1.170.000	4	4.680.000	4.680.000	4.680.000	31410003902573	BIDV
9	Nguyễn Tiến Dũng	20113029	DH20NHA	100%	Bản thân tàn tật, khuyết tật	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004112870	BIDV
10	Nguyễn Thị Duyên	20120178	DH20KM	100%	Con thương binh	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	62110001026324	BIDV
11	Chu Thị Hồng Ánh	20126184	DH20SHA	100%	Sinh viên mồ côi	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410004047893	BIDV
12	Trần Hữu Dân	20130218	DH20DT	100%	SV mồ côi mẹ, cha bệnh tâm thần	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004515549	BIDV
13	Nguyễn Thị Thu Hằng	21112438	DH21TVB	100%	Con thương binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009052005	BIDV
14	Võ Thị Tuyết Nga	21117087	DH21CT	100%	Sinh viên mồ côi	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009092506	BIDV
15	Huỳnh Nam Phụng	21118344	DH21CK	100%	Con thương binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009094070	BIDV
16	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	21120158	DH21KT	100%	Con người có công với cách mạng	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410009082154	BIDV
17	Vị Thị Hồng Liên	21120413	DH21KT	100%	Sinh viên mồ côi	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410008184826	BIDV
18	Trần Diệu Linh	21122597	DH21TM	100%	Con người có công với cách mạng	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410009087557	BIDV
19	Trần Thị Tú Như	21122665	DH21QT	100%	Sinh viên mồ côi	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410009164681	BIDV
20	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21126284	DH21SHC	100%	Con thương binh	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410009049353	BIDV
21	Đặng Ngọc Huỳnh	21128054	DH21AV	100%	Con thương binh	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410008174915	BIDV
22	Hà Thị Phước Hoa	21145023	DH21BVA	100%	Con thương binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410008167207	BIDV
23	Trương Thị Hòa	21149020	DH21QM	100%	Sinh viên mồ côi	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410008168112	BIDV
24	Giáp Thành Tâm	21154297	DH21OT	100%	Con thương binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009057897	BIDV
25	Lê Anh Hào	22116018	DH22NT	100%	Con thương binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004402021	BIDV
26	Nguyễn Văn Sòng	22116078	DH22NT	100%	Con Bệnh binh	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004402395	BIDV
27	Nguyễn Thị Như Thơm	22122361	DH22QT	100%	Con thương binh	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	52010000644985	BIDV
28	Trần Đông Vy	22124257	DH22QL	100%	Con thương binh	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410004414327	BIDV
29	Phạm Trương Kỳ Nguyễn	22130190	DH22DTA	100%	Bản thân tàn tật, khuyết tật	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004424724	BIDV
30	Nguyễn Gia Bảo	22135011	DH22TB	100%	Con thương binh	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410004425806	BIDV

31	Lê Quỳnh Như	22166067	DH22HM	100%	Sinh viên mở còi	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	3141000449143	BIDV
32	Dương Tấn Đạt	22130034	DH22DT	100%	Bàn thân tàn tật, khuyết tật	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004421248	BIDV
33	Mai Nguyễn Vỹ	22112425	DH22TVA	100%	SV mở còi cả cha lẫn mẹ	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004400575	BIDV
34	Trần Thị Thanh Ngân	22130181	DH22DTA	100%	SV mở còi cả cha lẫn mẹ	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004424645	BIDV
35	Trần Ngọc Minh Trết	22127030	DH22MT	100%	SV mở còi cả cha lẫn mẹ	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004451838	BIDV
36	Bà Thanh Huy	18112079	DH18TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	61610000169680	BIDV
37	Trần Minh Luân	18112105	DH18DY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410002961049	BIDV
38	Lê Pháp Luật	18112106	DH18DY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410002946912	BIDV
39	H Z A LEM K.T.L.A	18112351	DH18TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410002946930	BIDV
40	Lư Nữ Thảo Nguyên	18112353	DH18TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410002946994	BIDV
41	Đàm Thị Quý	18112359	DH18TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003469731	BIDV
42	Kiều Minh Hiệu	19112391	DH19TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003470353	BIDV
43	Dương Văn Lạc	19113083	DH19NHB	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003503222	BIDV
44	Điền Hưng	19114043	DH19LNL	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003503213	BIDV
45	Điền Phong	19114046	DH19LNL	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003487052	BIDV
46	Từ Công Thủy Tiên	19120211	DH19KT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410003487052	BIDV
47	Hoàng Mỹ Lê	19122103	DH19QT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003488453	BIDV
48	Nông Thị Diệu Linh	19122114	DH19QT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003488332	BIDV
49	Lý Thu Thủy	19122419	DH19TM	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410003490698	BIDV
50	Mông Thị Bích	19125026	DH19BQ	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003473246	BIDV
51	CIL K' HÔNG	19125111	DH19VT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003473936	BIDV
52	Bùi Thảo Tiên	19125379	DH19VT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003476050	BIDV
53	Đông Thị Ninh Thuận	19126276	DH19SHA	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410003492807	BIDV
54	Sùng Thị Lừ	19128087	DH19AV	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410003493192	BIDV
55	Hoàng Thị Nhân Hạnh Phúc	19128134	DH19AV	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410003493651	BIDV
56	Lang Minh Trang	19128184	DH19AV	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410003462873	BIDV
57	Hà Văn Diệp	19130039	DH19DTB	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003459608	BIDV
58	Chau Văn Na	19145051	DH19BV	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003459608	BIDV
59	Lăng Hồng Quân	19153063	DH19CD	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410003459608	BIDV
60	Lăng Thị Huyền Trang	20112390	DH20TY	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004052842	BIDV
61	Phú Thành Hải	20113237	DH20NHA	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004038125	BIDV
62	Sư Minh Hiền	20113243	DH20NHA	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004038161	BIDV
63	Đường Triều Tiên	20115273	DH20CB	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004060100	BIDV
64	Thiên Hoàng Nhật	20118216	DH20CC	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	61510000834583	BIDV
65	Quan Lê Thanh	20125681	DH20BQ	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004057555	BIDV
66	Cương Thị Thảo My	20126306	DH20SHD	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410004048692	BIDV
67	Phạm Mỹ Duyệt	20126224	DH20SM	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410004048179	BIDV
68	Đông Ngọc Băng Thủy	20139167	DH20HH	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004067925	BIDV

69	Mã Thị Lệ Thi	20145161	DH20BV	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004059418	BIDV
70	Vừ A Đức	20153071	DH20CD	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004060410	BIDV
71	Đàng Cao Mỹ Ứng	20157024	DH20DLNT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	31410004063491	BIDV
72	Nông Hồng Tân Tiến	20166067	DH20HM	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004068317	BIDV
73	NEĂNG SOC PHÉP	21111179	DH21CN	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410008146260	BIDV
74	Ka Trang	21120555	DH21KT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	11110000365345	BIDV
75	Kơ Ho Touneh Trinh	21120567	DH21KT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	VII	1.200.000	4	4.800.000	4.800.000	4.800.000	64210000766897	BIDV
76	Kiểu Nữ Kim Xuyên	21122823	DH21TM	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410008161069	BIDV
77	Lục Thị Thủy	21123124	DH21KE	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410009054898	BIDV
78	Huyền Đào Bảo Ngọc	21125520	DH21VT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009058146	BIDV
79	Trương Hoàng Minh Yên	21126260	DH21SHA	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	IV	1.350.000	4	5.400.000	5.400.000	5.400.000	31410009038795	BIDV
80	Mai Thị Kim Tuyền	21129695	DH21ID	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410009045245	BIDV
81	Thiên Sanh Đoàn	21138106	DH21TD	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004396063	BIDV
82	Điều Chương	22115007	DH22CB	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004411382	BIDV
83	Quan Lê Duyên	22123029	DH22KE	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410004452293	BIDV
84	Quảng Thị Hằng Nga	22129158	DH22BQ	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004452293	BIDV
85	Đồng Thị Mỹ Vui	22129362	DH22BQ	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004452512	BIDV
86	Từ Chi Hà	22130065	DH22DT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004423244	BIDV
87	Triệu Thị Thu Hoài	22155040	DH22KN	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004448830	BIDV
88	Trần Nguyễn Ngọc Thảo	22122349	DH22QT	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410004445008	BIDV
89	Mông Thị Hiền	22123038	DH22KE	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	III	1.250.000	4	5.000.000	5.000.000	5.000.000	31410004411434	BIDV
90	Lý Dương Ngọc Quỳnh	22165016	DH22LD	100%	Dân tộc thiểu số & Hộ nghèo	V	1.450.000	4	5.800.000	5.800.000	5.800.000	31410004440058	BIDV
91	Danh Thị Kiều Diễm	18112342	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	3141000346879	BIDV
92	K' GUIN	18112346	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003462776	BIDV
93	H' TEM NIÊ	18112356	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410002946967	BIDV
94	Tăng Nhật Tài	18112363	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410002947003	BIDV
95	Thạch Trương Mai Trinh	18112366	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410002947021	BIDV
96	ZO LONG NAI UYÊN	18112370	DH18TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410002947058	BIDV
97	Kiên Thị Thi Đa	191111011	DH19TA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003492074	BIDV
98	Lâm Bình Thắng	19112165	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003759760	BIDV
99	Đặng Thị Thảo Uyên	19112220	DH19DY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003469139	BIDV
100	Kim Hoàng Anh	19112385	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003765943	BIDV
101	Danh Tâm Đức	19112389	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003469722	BIDV
102	Lý Thị Thắm	19112399	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003469768	BIDV
103	Danh Hoàng Tinh	19112402	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003469801	BIDV
104	Châu Thị Thu Yên	19112405	DH19TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003480194	BIDV
105	Bên Ya Minh	19113094	DH19NHA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003483953	BIDV
106	Lăng Ngọc Hoàng	19118072	DH19CK	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000		BIDV

107	Dương Thủy Hằng	19120048	DH19KCT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	3.360.000	3.360.000	31410003485843	BIDV
108	Son Thị Ngọc Lệ	19122104	DH19QCT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410003488462	BIDV
109	Lý Thị Thu Thảo	19122232	DH19TMT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410003787628	BIDV
110	KPẢ H' K' O	19122417	DH19QCT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410003490689	BIDV
111	Vì Thị Huệ	19123043	DH19KE	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410003491044	BIDV
112	Dương Thị Tuyết Kiều	19125140	DH19DD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003474179	BIDV
113	Đặng Phương Lan	19125147	DH19BQ	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003474249	BIDV
114	Lý Văn Mẫn	19125178	DH19BQ	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003477443	BIDV
115	Nguyễn Minh Đăng	19125567	DH19BQ	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410003477336	BIDV
116	Thạch Thị Giang Hương	19126062	DH19SHD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410003477804	BIDV
117	Đinh Phi Long	19126270	DH19SHA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410003479475	BIDV
118	Danh Thành Phát	19126275	DH19SHD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410003479509	BIDV
119	Ngô Thị Thanh Thủy	19126277	DH19SHB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410003479527	BIDV
120	Trần Thị Thận	19128154	DH19AV	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	3.360.000	3.360.000	31410003796749	BIDV
121	Liều Thanh Quí	20112337	DH20TY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004052587	BIDV
122	Mông Hoàng Anh	20113003	DH20NHA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004037618	BIDV
123	Tô Tiểu Hân	20117007	DH20CT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004063163	BIDV
124	Kpả Phúc	20125299	DH20BQ	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004055230	BIDV
125	Thị Minh Thư	20126167	DH20SHA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410004049400	BIDV
126	Lê Thị Thanh Thủy	20126168	DH20SHD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410003554504	BIDV
127	Huỳnh Hoàng Giang	20126231	DH20SHD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410004048212	BIDV
128	Chau Ria	20155139	DH20KN	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004070224	BIDV
129	Lâm Thị Mỹ Linh	21112116	DH21TYB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009088532	BIDV
130	Nguyễn Nhật Văn Anh	21112358	DH21DY	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009089049	BIDV
131	Lô Thị Hòa	21112453	DH21TYA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009089474	BIDV
132	Bà Minh Trọng	21116239	DH21NT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009084798	BIDV
133	Trần Thiên Nhi	21122659	DH21TM	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410008170205	BIDV
134	Lê Thị Diệu Hương	21125128	DH21DD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410008172292	BIDV
135	Trần Thị Thiên Nhi	21125264	DH21DD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009049070	BIDV
136	Vì Thị Thảo	21126192	DH21SM	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410009054931	BIDV
137	Phú Hải Đăng	21127074	DH21MT	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009040569	BIDV
138	Dương Thị Thu Thủy	21129962	DH21DD	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009041544	BIDV
139	Lăng Duy Hào	21130347	DH21DTB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009043197	BIDV
140	Trịnh Xuân Hà	21135268	DH21TB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	3.360.000	3.360.000	64210000812985	BIDV
141	Kả Kiên	21135290	DH21TB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	3.360.000	3.360.000	31410008168079	BIDV
142	Đỗ Quốc Việt	21145242	DH21BVB	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009047366	BIDV
143	Nguyễn Bình Đa Vin	21145245	DH21BVA	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009047366	BIDV
144	Thạch Thị Huyền Trang	21155166	DH21KN	70%	Dân tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410008178661	BIDV

145	Tam Bou Bru	21164018	DH21QR	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410009161071	BIDV
146	A Trung	22112379	DH22TY	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004447253	BIDV
147	NEANG CHANH SÊ RÂY RITHY	22120154	DH22KT	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	3.360.000	3.360.000	31410004406315	BIDV
148	JOR LONG NAI THU	22126170	DH22SHD	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410004419517	BIDV
149	Vì Thị Hiền	22129376	DH22BQ	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004446287	BIDV
150	Danh Phương Nhà	22130191	DH22DT	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004424733	BIDV
151	Thị Thảo Vân	22130319	DH22DT	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004427510	BIDV
152	Thạch Hoài Nam	22134080	DH22OT	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004436233	BIDV
153	Ka Minh Khôi	22164006	DH22QR	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004439922	BIDV
154	Sôm Kim Sa	22112491	DH22TYA	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	70210000345576	BIDV
155	Ta Pô Thị Tâm	22122514	DH22QT	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	III	1.250.000	4	5.000.000	3.500.000	3.500.000	31410004446278	BIDV
156	Rơ Chăm HSach	22164013	DH22QR	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004439959	BIDV
157	Đinh Thị Nê Hè Mí	22112176	DH22TYB	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004439508	BIDV
158	Kim Thị Út Li	22155051	DH22KN	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	V	1.450.000	4	5.800.000	4.060.000	4.060.000	31410004438309	BIDV
159	Cao Thị Huỳnh	20126153	DH20SHB	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410004047820	BIDV
160	Son Tâm	22126157	DH22SM	70%	Dàn tộc thiểu số (giảm 70%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	3.780.000	3.780.000	31410004419410	BIDV
161	Nguyễn Thị Hoài Thương	19123146	DH19KE	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	III	1.250.000	4	5.000.000	2.500.000	2.500.000	31410003470423	BIDV
162	Lê Thị Xuân Trúc	19139190	DH19HS	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410003457684	BIDV
163	Trần Thị Nừ	20125613	DH20DD	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	2.900.000	2.900.000	31410004057087	BIDV
164	Trần Thị Thủy Linh	20126292	DH20SHA	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410004048601	BIDV
165	Thái Văn Đức Anh	21112384	DH21TYB	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410009089119	BIDV
166	Vô Thị Bích Loan	21112500	DH21TYA	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	III	1.250.000	4	5.000.000	2.500.000	2.500.000	31410009052069	BIDV
167	Nguyễn Công Danh	21122498	DH21QT	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410009086989	BIDV
168	Vũ Trần Minh Hoàng	21129666	DH21DD	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410009038582	BIDV
169	Trần Vũ Ý Nhi	21129838	DH21DD	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410009039770	BIDV
170	Nguyễn Văn Hưng	21145150	DH21BVA	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410008167678	BIDV
171	Nguyễn Văn Học	22118062	DH22CK	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	V	1.450.000	4	5.800.000	2.900.000	2.900.000	31410004404151	BIDV
172	Lê Nguyễn Mai Phương	22122287	DH22QTC	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	III	1.250.000	4	5.000.000	2.500.000	2.500.000	31110001360907	BIDV
173	Nguyễn Quốc Duy	22126041	DH22SHB	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	IV	1.350.000	4	5.400.000	2.700.000	2.700.000	31410004418639	BIDV
174	Nguyễn Thị Hiếu Hưng	19124107	DH19QD	50%	Con cán bộ (giảm 50%)	VII	1.200.000	4	4.800.000	2.400.000	2.400.000	31410003471541	BIDV
Tổng cộng:									961.280.000	805.240.000	805.240.000		

Bảng chữ: Tạm trùn lè năm trệu hai trùn bốn mươi nghìn đồng./

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đình Lý